

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
HUYỆN LÂM HÀ Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
TỈNH LÂM ĐỒNG

Bản án số: 21/2020/HNGĐ - ST.

Ngày: 02/6/2020.

V/v: Tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LÂM HÀ, TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Dũng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hoàng Sỹ Sự.
2. Ông Đào Văn Tám.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Văn Cương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Ông Mai Trường Trinh - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 360/2019/TLST - HNGĐ ngày 04 tháng 12 năm 2019 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2019/QĐXXST - HNGĐ ngày 08 tháng 5 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Đặng Thị L. Sinh năm: 1991.

Địa chỉ: Thôn 6 (T), xã T, huyện L, tỉnh L. *Có mặt.*

2. Bị đơn: Anh Triệu Đình Q, sinh năm: 1990.

Địa chỉ: Thôn 6 (T), xã T, huyện L, tỉnh L. *Có đơn xin xét xử vắng mặt.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn ly hôn và bản tự khai nguyên đơn chị Đặng Thị L trình bày: Chị và anh Q xây dựng gia đình với nhau năm 2008, trên cơ sở tìm hiểu tự nguyện có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tân Thanh, huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng vào năm 2011. Cuộc sống chung của vợ chồng anh chị hòa thuận hạnh phúc đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng nảy sinh quá nhiều khác biệt, vợ chồng bất đồng với nhau về quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung. Từ đó vợ chồng anh chị dần dần có khoảng cách, không còn sự quan tâm chăm sóc

cho nhau. Bên cạnh đó anh Q thường xuyên chửi bới, đánh đập vợ con xúc phạm đến danh dự uy tín của chị và gia đình chị. Chị cũng đã nhiều lần nói chuyện hàn gắn tình cảm với anh Q nhưng không được.

Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Q.

Về con chung: Chị xác định vợ chồng có 03 con chung là cháu Triệu Đăng Đức D, sinh ngày 13/12/2008; Triệu Đăng Yến N, sinh ngày 01/02/2013 và cháu Đăng Tiến S, sinh ngày 27/02/2017. Khi ly hôn chị đồng ý giao cháu D cho anh Q chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, chị không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Chị yêu cầu được nuôi cháu N, cháu S, đồng thời chị yêu cầu anh Q phải cấp dưỡng nuôi cháu N là 1.000.000đ/tháng cho đến khi cháu N đủ tuổi trưởng thành theo quy định của pháp luật. Đối với cháu S chị không yêu cầu cấp dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị xác định vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 15/01/2020 anh Triệu Đình Q trình bày:

Anh và chị L xây dựng gia đình với nhau vào năm 2008, trên cơ sở tìm hiểu tự nguyện có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tân Thanh, huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng vào năm 2011. Cuộc sống chung của vợ chồng anh chị mới phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng anh chị bất đồng với nhau về quan điểm sống từ đó vợ chồng anh chị thường xuyên xảy ra cãi vã và xô sát với nhau. Vợ chồng anh chị đã sống ly thân từ tháng 12/2019 cho đến nay. Nay vợ anh làm đơn ly hôn với anh thì anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh đồng ý ly hôn theo yêu cầu của Chị L.

Về con chung: Anh xác định vợ chồng có 03 con chung là cháu Triệu Đăng Đức D, sinh ngày 13/12/2008; Triệu Đăng Yến N, sinh ngày 01/02/2013 và cháu Đăng Tiến S, sinh ngày 27/02/2017. Khi ly hôn anh yêu cầu được nuôi cháu D. Anh đồng ý giao cháu N, cháu S cho chị L chăm sóc, nuôi dưỡng, anh đồng ý cấp dưỡng nuôi cháu N là 1.000.000đ/tháng cho đến khi cháu N đủ tuổi trưởng thành theo quy định của pháp luật. Đối với cháu S anh không đồng ý cấp dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh xác định vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng anh Q vắng mặt không có lý do nên không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm Hà phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng cũng như phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án theo hướng đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn yêu cầu ly hôn của Chị L. Xử cho chị L và anh Q được ly hôn.

Về con chung: Giao con chung là Triệu Đặng Đức D, sinh ngày 13/12/2008 cho anh Q có trách nhiệm chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục theo nguyện vọng của con; Giao con chung là cháu Triệu Đặng Yến N, sinh ngày 01/02/2013 (Theo nguyện vọng của con) và cháu Đặng Tiến S, sinh ngày 27/02/2017 cho chị L có trách nhiệm trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục. Anh Q không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị L, anh Q xác định vợ chồng không có nên không đặt ra để xem xét, giải quyết.

Về án phí: Buộc chị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận của đương sự cũng như ý kiến phát biểu của Viện kiểm sát tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] *Về tố tụng*: Bị đơn anh Triệu Đình Q vắng mặt tại phiên Tòa nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt nên căn cứ khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vụ án vắng mặt bị đơn anh Q theo thủ tục chung là phù hợp.

[2] *Về quan hệ hôn nhân*: Chị L, anh Q xây dựng gia đình với nhau năm 2008, trên cơ sở tìm hiểu tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tân Thanh, huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng vào ngày 02/8/2011 nên quan hệ hôn nhân của anh chị là hợp pháp.

Tại phiên tòa, chị L xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng kéo dài, không còn khả năng cải thiện nên chị L vẫn giữ nguyên yêu cầu được ly hôn với anh Q. Chị L cho rằng cuộc sống chung của vợ chồng anh chị hòa thuận hạnh phúc đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng anh chị nảy sinh quá nhiều khác biệt, vợ chồng bất đồng với nhau về quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung. Từ đó vợ chồng anh chị dần dần có khoảng cách, không còn sự quan tâm chăm sóc cho nhau. Bên cạnh đó anh Q thường xuyên chửi bới, đánh đập vợ con xúc phạm đến danh dự uy tín của chị và gia đình chị. Chị cũng đã nhiều lần nói chuyện hàn gắn tình cảm với anh Q nhưng không

được. Anh Q cho rằng cuộc sống chung của vợ chồng anh chị mới phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng anh chị bất đồng với nhau về quan điểm sống từ đó vợ chồng anh chị thường xuyên xảy ra cãi vã và xô sát với nhau. Vợ chồng anh chị đã sống ly thân từ tháng 12/2019 cho đến nay. Nay chị L làm đơn ly hôn với anh thì anh cũng đồng ý ly hôn theo yêu cầu của Chị L.

Xét thấy, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do Chị L, anh Q bất đồng với nhau về quan điểm sống, bất đồng với nhau về làm ăn kinh tế từ đó vợ chồng anh chị thường xuyên xảy ra mâu thuẫn với nhau. Đồng thời qua xác minh tại chính quyền địa phương thì nguyên nhân dẫn đến vợ chồng anh Q, chị L phát sinh mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng với nhau về quan điểm sống, vợ chồng anh chị không có tiếng nói chung, bên cạnh đó anh Q thường xuyên uống rượu, không chịu khó làm ăn. Vì vậy, nếu kéo dài tình trạng hôn nhân như hiện nay cũng không mang lại hạnh phúc cho các bên do mâu thuẫn đã kéo dài, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Nên căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 57 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận đơn xin ly hôn của Chị L, xử cho chị Đặng Thị L và anh Triệu Đình Q được ly hôn là hoàn toàn phù hợp.

[3] *Về con chung*: Chị L, anh Q xác định vợ chồng anh chị có 03 con chung là cháu Triệu Đặng Đức D, sinh ngày 13/12/2008; Triệu Đặng Yến N, sinh ngày 01/02/2013 và cháu Đặng Tiến S, sinh ngày 27/02/2017. Khi ly hôn Chị L, anh Q thống nhất thỏa thuận giao con chung là cháu Triệu Đặng Đức D, sinh ngày 13/12/2008 cho anh Q có chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; Giao con chung là cháu Triệu Đặng Yến N, sinh ngày 01/02/2013 và cháu Đặng Tiến S, sinh ngày 27/02/2017 cho chị L có trách nhiệm trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục.

Xét thấy hiện nay cháu D, cháu N đã trên 07 tuổi, cháu D có nguyện vọng được ở với anh Q, cháu N có nguyện vọng được ở với Chị L. Đối với cháu S Chị L, anh Q thống nhất giao cháu cho chị L chăm sóc, nuôi dưỡng. Bên cạnh đó từ khi vợ chồng sống ly thân cho đến anh cháu D do anh Q chăm sóc, cháu N, cháu S do chị L chăm sóc. Do đó, để ổn định về tâm sinh lý của trẻ, cũng như để các bên có điều kiện được chăm sóc con được tốt nên cần căn cứ khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình giao con chung là cháu Triệu Đặng Đức D, sinh ngày 13/12/2008 cho anh Q có chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục theo nguyện vọng của con; Giao con chung là cháu Triệu Đặng Yến N, sinh ngày 01/02/2013 (theo nguyện vọng của con) và cháu Đặng Tiến S, sinh ngày 27/02/2017 cho chị L chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục.

Về việc cấp dưỡng nuôi con: Tại phiên Tòa hôm nay chị L không yêu cầu anh Q phải cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét, giải quyết.

[4] *Về tài sản chung, nợ chung*: Chị L, anh Q xác định vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

[6] *Về án phí*: Buộc chị Đặng Thị L phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 53; khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; Điều 147; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 và Điều 266 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận đơn ly hôn của chị Đặng Thị L, xử cho chị Đặng Thị L và anh Triệu Đình Q được ly hôn.

2. Về con chung: Giao con chung là Triệu Đăng Đức D, sinh ngày 13/12/2008 cho anh Triệu Đình Q có trách nhiệm trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục theo nguyện vọng của con; Giao con chung là cháu Triệu Đăng Yên N, sinh ngày 01/02/2013 (Theo nguyện vọng của con) và cháu Đặng Tiến S, sinh ngày 27/02/2017 cho chị Đặng Thị L có trách nhiệm trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Quyền đi lại thăm nom con, chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục con; Quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con; thay đổi mức cấp dưỡng được thực hiện theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

2. Về án phí: Chị Đặng Thị L phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị L đã nộp 300.000đ theo biên lai thu tiền số AA/2016/0007038 ngày 04 tháng 12 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Lâm Hà, chị L đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm. Riêng bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh L(02);
- VKSND huyện L;
- Chi cục THADS huyện L;
- Các đương sự;
- **Cơ quan đăng ký kết hôn;**
- Lưu AV – HS.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa
(đã ký)

Nguyễn Hữu Dũng